

ĐIỂM QUA MỘT SỐ NHẠC SƯ, NHẠC SĨ VANG BÓNG MỘT THỜI

Vĩnh Bảo

Ông Nguyễn Văn Kỳ (Chín Kỳ)

Ông Chín Kỳ, vợ là bà Hai Quạ, một danh ca vào thập niên 1935 cùng thời với một số danh ca khác như:

Bà Tám Song, (phu nhân ông giáo Lý Văn Đò),

Bà Hồ Thị Bửu (Bà Mười Ba), phu nhân nhạc sư Phạm Văn Nghi, Giáo sư Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn,

Bà Tư Cầu Mồng Gà, ái nữ nhạc sư Năm Tịnh (Cần Đước),

Bà Ba Vàm Léo, (Bạc Liêu),

Bà Hồ Thuyết Loan, (Mười Tân Châu),

Cô Ngọc Ánh....

Sở trường của ông Chín Kỳ là cây đàn Tranh.

Nắm vững nhiều bài bản, với phong cách đàn là Tài tử Nam Bộ.

Môn sinh của ông phần đông thuộc thượng lưu trí thức như:

Cố Bác sĩ Nguyễn Văn Nhã, (thân phụ của nữ luật sư Nguyễn Phước Đại),

Cố Bác sĩ Nguyễn Văn Bửu, Giám đốc Bệnh viện Nhi đồng Sài Gòn,

Cố tham tá (Commis) Bùi Văn Hai, từng sự tại Bộ Ngoại giao,

những ái nữ của Cố bác sĩ Phan Văn Đệ, Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy (Hôpital Lalung Bonnaire) Chợ Lớn.

Là con người bình dị, vui tính, dễ mến, nhưng đôi khi cũng hóm hỉnh, không bí hiểm dấu nghề, lúc nào cũng sẵn sàng xan xẻ sự hiểu biết của mình với mọi người, ai cần bản gì chạy đến hỏi thì ông đọc miệng cho chép để mang về học và sau đó trở lại đàn cho ông nghe để góp ý.

Xin mở dấu ngoặc tại đây để nói lên cái hóm hỉnh của ông.

Thập niên 1954, hằng tháng ít nhất cũng là hai tối thứ bảy, Bác sĩ Nguyễn Văn Bửu tổ chức đàn ca tại tư gia.

Giàn đờn gồm có Nhạc sư Nguyễn Văn Kỳ (Chín Kỳ) (Tranh), Cao Hoài Sang (Tỳ Bà), Nguyễn Văn Thịnh (Kim), Lê Văn An (Tranh), Bảy Phương (Cò), Bùi Văn Hai (Tỳ Bà), và tôi là Vĩnh Bảo (Kim, Tranh, Gáo).

Ca: Bà Hai Quạ (phu nhân ông Chín Kỳ), Bà Hồ Thị Bửu (Bà Mười Ba), Hồ Thuyết Loan (Mười Tân Châu). Thính giả phần đông là bạn bè của ông, có địa vị cao trong xã hội.

Một hôm, Bác sĩ Bửu căn dặn ông Chín Kỳ chọn giùm cô ca sĩ nào ca hay nhất. Thế là ông Chín Kỳ mời cô Ngọc Đáng. Cô này ca hay, nhưng không đẹp gái, da ngăm, và ốm như con khô hố.

Theo thông lệ, cơm tối xong mới tới cái màn đàn ca.

Hôm ấy, tại bàn ăn, Bác sĩ Bửu nói với ông Chín Kỳ: “Bộ hết người ca rồi sao mà anh lại chọn cô ca si này không có ngực”.

Ông Chín Kỳ nhanh miệng phản phé “Bác sĩ dặn tôi kiếm ca chớ nào có dặn kiếm vú”. Mọi người trong bàn ăn cười rộ lên.

LỊCH SỬ CỦA TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC và KỊCH NGHỆ SÀI GÒN.

Trước tiên là Ban Học Âm nhạc, nằm trong Trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia định.

Năm 1955, do Công lệnh 352/GD/CL, Ban Học Âm nhạc này tách ra, dời về Nha Kỹ thuật học vụ.

Ngõ vào Văn phòng số 48 đường Phan đình Phùng (nay là Nguyễn đình Chiểu) Quận 1, ngõ vào lớp học là Phạm đăng Hưng.

Giám đốc Nha Kỹ thuật học vụ:

Đầu tiên là Ông Nguyễn văn Bạch, Kỹ sư Cầu cống (École Polytechnique de Paris), sau đó là Quý Ông:

Nguyễn Được, Kỹ sư (École Centrale des Arts et Manufactures, Paris),

Lê văn Lắm, Kiến-trúc-sư (Architecte)

Nguyễn văn Huyện, Kiến-trúc-sư (Architecte)

Tổng Trưởng Giáo Dục: Giáo sư Nguyễn dương Đôn.

Giám đốc kiêm Sáng-lập-viên ((Directeur - Fondateur) :

Michel Nguyễn-Phụng (gia đình Philippe Nguyễn Phụng Bến tre).

Chiếu theo Nghị định của ông Ngô đình Diệm, Tổng Thống Việt nam Cộng Hòa ban hành ngày 12-04-1956, trường dời về số 112 đường Nguyễn Du, Quận 1, lấy trụ sở Hòa tấu nhạc cụ (Société Philharmonique) của Pháp để lại, và cải tên là Trường Quốc Gia Âm Nhạc. (École Nationale de Musique).

Giám đốc: Michel Nguyễn-Phụng

TRƯỜNG CÓ HAI NGÀNH HỌC:

NHẠC TÂY PHƯƠNG và NHẠC TÀI TỬ 3 MIỀN.

Lần đầu tiên 9 tháng 10 năm 1956 chỉ có 150 học sinh được tuyển chọn trong tổng số 2.500 dự thí.

(1956-1964)

SAU ĐÂY LÀ THÀNH PHẦN GIÁO SƯ và NHÂN SỰ TỪ NGÀY THÀNH LẬP

NHAC TÂY PHƯƠNG:

Tổng Giám thị: Hoàng văn Hường (nhạc sĩ Hùng Lĩnh)

Giám học ngành nhạc dân tộc: Nhạc sư Nguyễn hữu Ba,

Giám học ngành nhạc Tây phương: Phạm gia Nhiều (Giáo sư violon),

Giám thị: Nguyễn văn Trạch,
Lý văn Đồ,
Nguyễn văn Hậu,
Nguyễn hữu Phụng,
Lê cao Phan,
Võ minh Đây,
Văn phòng: Nguyễn văn Trí
Lê công Chánh

Môn học:

Dương cầm, Vĩ cầm, Đại Vĩ cầm, Trung Vĩ cầm, Hạ Vĩ cầm, Tây ban cầm, Măng cầm, Sáo, Kèn Clarinette, Trompette, Saxophone, Basson, Hợp ca, Nhạc pháp, Hòa-âm-pháp, thực đọc nhạc (déchiffrage), Nhạc sử, Phân tích thẩm mỹ âm nhạc.

Thành phần Giáo sư:

Dương cầm:

các Bà : Amiel Nguyễn văn Đầu, Nguyễn khắc Cung, Lạc Nhân. Tạ Toàn, Cúc-Xuân, (phu nhân Nguyễn Lâu, Chủ báo Saigon Daily News), Đỗ thế Phiệt, Clara Phạm,

Các Ông: Võ đức Thu, Nguyễn Cầu, Nghiêm phú Phi, Mousny.

Vĩ cầm: Bà Nguyễn văn Huấn, Nguyễn văn Giệp, Đỗ thế Phiệt,
Nguyễn khắc Cung, Tạ Toàn, Phạm gia Nhiều.

Trung Vĩ cầm: Phùng hán Cao,

Hạ Vĩ cầm: Nguyễn quý Lãm,

Đại Vĩ cầm: Barthélémy Phạm thế Mỹ.

Sáo : Vũ Thành,

Clarinette: Nguyễn văn Thành

Trompette: Barthélémy Phạm thế Mỹ

Tây Ban cầm: Bénito Cruz, Dương thiệu Tước,

Măng cầm : Trần anh Tuấn (Pierre Trần)

Nhạc pháp: Nguyễn văn Hường (Hùng Lĩnh), Nguyễn Cầu, Vũ văn Tuynh,

Bà Thẩm Oánh.

Nhạc sử: Cô Bình Minh, Ông Nguyễn văn Huân.

Hòa âm: Nguyễn Phụng, Linh mục Labbé Ngô duy Linh

Hợp ca: Hải Linh

Dân ca nhạc sử Việt nam: Ngô đình Hộ (Lê Thương),

NHAC TÀI TỬ 3 MIỀN:

Giám Học: Nguyễn hữu Ba

Nguyễn văn Thịnh

Trưởng Ban Giáo sư:

Miền Trung: Nguyễn hữu Ba

Miền Nam: Nguyễn vĩnh Bảo

Miền Bắc: Nguyễn văn Năng

Môn học:

Cách sử dụng đàn Kim (Nguyệt), Tranh, Cò, Gáo, Tỳ Bà. Bầu, Ống Tiêu, Ống Sáo. Đàn Đáy.

THÀNH PHẦN GIẢNG VIÊN:

MIỀN TRUNG

Vĩnh Trân (Bầu, Tỳ bà)

Nguyễn hữu Ba (Kim, Tranh, Cò, Bầu, Tỳ bà),

Nguyễn gia Cẩm (Kim),

Vĩnh Phan (Tranh, Tỳ bà),

Bửu Lộc (Tranh),

Trịnh Chúc (Tranh),

CA: Bà Tuyết Hồi

MIỀN NAM: Nguyễn văn Kỳ (Chín Kỳ) (Tranh),

Nguyễn văn Thịnh (Kim, Tranh, Tỳ bà),

Lê văn An (Tranh),

Nguyễn thế Huyện (Tư Huyện) (đàn Cò, ống Tiêu),

Huỳnh văn Biểu (Hai Biểu) (Tranh),

Phạm văn Nghi (Kim, Tranh, Cò, Gáo),

Trương Văn Đệ (Bảy Hàm) (Kim),
Hà Văn Tân (Chín Trích) (Cò),
Võ Văn Khuê (Hai Khuê) (Kim, Tỳ bà),
Trần Công Sính (Kim),
Chín Tâm (Tranh),
Cao Hoài Đông (Kim),
Nguyễn Đình Nghĩa (Sáo),
Ngô Nhật Thanh (đàn Bầu).
Nguyễn Vĩnh Bảo (Tranh và chương trình dạy)

CA: Bà Hồ Thị Bửu (phu nhân Phạm Văn Nghi),
Bà Hồ Tuyết Loan (Mười Tân châu)

MIỀN BẮC: Nguyễn Văn Năng (Kim),
Trần Viết Vấn (Tranh, Sáo),
Vũ Hòa (đàn Cò, Tiêu, Sáo),
Kim Mã (đàn Đáy),
Anh MẠI (đàn Kìm)

CA: Bà Kim Bằng.

NĂM 1960-1961
CẢI TÊN LẠI LÀ “TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC
VÀ KỊCH NGHỆ
(École Nationale de Musique et d’Art Dramatique)

HÁT BỘI:

BAN CỔ VẤN Quý Ông: Đoàn Quang Tấn, Giáo sư, Cựu Bộ Trưởng Giáo dục,
Nguyễn Văn Quý (Độc phủ) về hưu
Ngô Công Thiện (Độc phủ, Bộ Nội vụ)
Nguyễn Văn Rỡ (Độc phủ - Phủ Đặc Trách Văn Hóa)

Ngọc Linh (soạn giả)

THÀNH PHẦN GIẢNG VIÊN:

Quý Ông: Ba Hạnh, Thành Tôn, Chín Tài,

Quý Bà: Ba Đắc, Ba Út, Hai Nhỏ, Bà Năm Sa-đéc.

ĐÀN ĐÊM:

Sáu Vững (đàn Cò)

Văn Lụa (đàn Cò, đàn Gáo, Kèn thau)

Tám Nhứt: Bộ gõ.

SÂN KHÁU CẢI LƯƠNG.

Quý Bà:

Trương Phụng Hảo (Bà Bảy Phùng Há),

Cô Kim Cúc (ái nữ Ô. Bảy Nhiêu, phu nhân Ô. Năm Châu)

Cô Kim Lan (ái nữ Ô. Bảy Nhiêu, em Cô Kim Cúc

(phu nhân nhạc sĩ Guitare-Mando Bảy Y)

Bà Bích Thuận

Quý Ông:

Nguyễn Thành Châu (Năm Châu),

Lê hoài Nở (soạn giả),

Huỳnh năng Nhiêu (Bảy Nhiêu),

Duy Lân (soạn giả),

Duy Chúc (em Ông Duy Lân),

Vi huyền Đắc (soạn giả),

Trần tấn Quốc, Nhà Báo,

Nguyễn văn Tài, Ký giả,

ĐÀN ĐÊM:

Huỳnh văn Sâm (Sáu Tửng) đàn Kim,

Trần văn Dư (Ba Dư) đàn Tranh)

Hà văn Tân (Chín Trích) đàn Cò.

THOAI KỊCH.

Vũ khắc Khoan,

Hoàng trọng Miêng,
Nguyễn đức Trọng (Mỹ-Tín),
Nguyễn sĩ Tế, Giáo sư, nhà văn,
Tam Ích, Giáo sư, nhà văn,
Thanh tâm Tuyền,

HÓA TRANG:

Nguyễn thị Hương

1961-1962 thành lập TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC ĐỊA PHƯƠNG HUẾ

Giám đốc: Linh mục Labbé Ngô duy Linh

Năm 1966, Giáo hội gửi đi tu nghiệp ở Pháp, Giáo sư Clarinette Nguyễn văn Thành lên thay thế.

Thành phần Giảng viên: Các Ông: Văn Giảng, Lê như Khuê, Đỗ Nhuận, Trương huệ Mẫn, Phạm trọng Cầu, Phạm xuân Mai, Trần nhật Hiền, Nguyễn xuân Phong, Nguyễn hử Vần

Đề cập đến Trường Nhạc Sài Gòn, theo yêu cầu của Giám đốc Nguyễn Phụng, tôi là người đứng ra liên lạc và mời các Nghệ sĩ Nhạc sĩ Sân Khấu Cải lương, Hát Bội và Ban Cổ Vần Hát bội,

CHƯƠNG TRÌNH HỌC NHẠC TÀI TỬ

Học sinh phải học cùng lúc nhạc 3 miền Trung, Nam, Bắc,

Bản đàn phải thống nhất, ký âm theo Phương tây (Do ré mi fa sol),

Tôi không biểu đồng tình với đường lối giáo dục âm nhạc theo kiểu này, bất lợi cho nhạc sinh và phân khoa học.

Hẳn không ai lạ gì cái lối dạy nhạc truyền thống của một số quốc gia như Trung quốc, Ấn độ, Nhật bản là truyền khẩu truyền ngón, mỗi thầy mỗi phương pháp, không ai hoàn toàn giống ai.

Nhạc miền Trung, miền Nam, miền Bắc đều là nhạc Việt nam. Nhưng trên quan niệm địa phương, tinh thần Điệu thức (mode), cách lên dây đàn, cao độ của nốt đàn, những trang điểm nốt đàn, không hoàn toàn như nhau. Tốt hơn hết là trong buổi ban sơ nên khuyến khích nhạc sinh chọn ngành nhạc nào mình thích, học hai ba năm cho xong, nắm vững nhạc miền đó rồi mới sang qua học nhạc của miền khác.

Tôi nhìn nhận lối ký âm của nhạc phương tây là khoa học và chính xác, nhưng khi áp dụng nó cho nhạc truyền thống sẽ là một bất lợi.

a. khi nói chuyện với người nước ngoài, thay vì dùng Hò xự xang xê cồng, mình lại nói Do ré fa sol la thì người ta sẽ nghĩ sao một dân tộc với 4000 năm văn hóa văn hiến lại không nặng ra tên cho nốt đàn.

b. Xướng âm nốt đàn theo “Hò xự xang xê cồng” nghe nó thắm thía hơn Do ré fa sol la.

c. Người nhạc sĩ phương tây xem bản nhạc nó là một thực thể cố định, viết sao đàn vậy, bất biến, không dám thêm hay bớt. Điều này triệt tiêu sức sáng tạo của nhạc sinh. (người nhạc sĩ nhạc truyền thống không chỉ là người diễn tấu đơn thuần mà còn là người ứng tác ứng tấu ngay khi đàn, theo tâm tư tình cảm tô điểm nốt đàn, mang đến bản mình đàn một sức sống mới. Do đó một bản đàn thường khi có nhiều dị bản, và tài năng của người nhạc sĩ là được người nghe đánh giá xuyên qua dị bản).

d. Đánh mất đi cơ hội để tiếp thu hay học hỏi cái hay của từng nhạc sĩ ngoài đời bởi do ngôn ngữ và quan niệm khác nhau (một bên là Hò xự xang xê cống, một bên Do ré fa sol la).

e. Nhạc sĩ nhạc truyền thống không am tường ký âm phương tây, thế thì chủ trường này là loại bỏ họ ra là điều rất tiếc.

d. Học nhạc Việt tại sao phải học lý thuyết, nhạc sử, ký âm, thẩm mỹ âm nhạc, nhạc sinh sang học bên ngành nhạc Tây phương, kể cả âm tả (dictée musicale) nghe đàn Dương cầm mà viết. Khi tai đã quen với âm giai bình quân

(tempered scale) thì làm sao lên dây đàn Việt chính xác được?

Ô. Nguyễn văn Kỳ (Chín Kỳ)

Năm 1956, tôi mời Nhạc sư Nguyễn văn Kỳ (Chín Kỳ) vào dạy môn đàn Tranh. Dạy được khoảng 4 tháng, thì ông bị cảm nặng. Vì là Thầy dạy đàn Tranh cho các con gái mình, nên khi hay tin, Bác sĩ Phan Văn Đệ, Giám đốc Bệnh viện Chợ rẫy, liền cho xe rước ông về nhà riêng ở đường Trần Hoàng Quân, Chợ lớn sẵn sóc và chữa trị.

Ông Chín Kỳ vốn là người tế nhị, cảm thấy ngại làm rộn người khác, nên qua ngày thứ thấy kha khá trong người, lúc 4 giờ sáng thừa lúc trong nhà đang ngon giấc, ông lén mở cửa ra kêu xe cyclo chở thẳng về nhà ở Hòa Hưng. Đêm khuya sương gió, ông bị trúng lạnh, nên khi về đến nhà thì năm vùi. Tôi có đến thăm và hỏi sao không ở nhà Bác sĩ Đệ cho dứt bệnh hay về, thì ông nói hai ông Bà Đệ rất là tử tế, ông đâm ra ngại. Về nhà được 5 ngày thì ông qua đời, để lại đứa con gái 7 tuổi, về sau ông bà Phạm Văn Nghi (Giáo sư đàn Tranh và đàn Cò) ôm về nuôi, dạy cho ca hát múa.

Cái buồn khó quên của tôi là ông chết trong khi chưa kịp lãnh một xu lương tiền dạy đàn của nhà trường.

Điều mà tôi không thể chấp nhận khi thấy các Giáo sư ngành nhạc Tây phương được vào khế ước, lãnh lương đều đều mỗi cuối tháng, ngày lễ hay bãi trường vẫn ăn lương, còn Giáo sư nhạc Tái tử, Nghệ sĩ nhạc sĩ Sân Khấu Cải lương, Hát Bội, Thoại Kịch thì là dạy ăn tiền giờ, mỗi giờ 150 đồng, lương hướng thì 4,5 tháng mới phát một lần.

Âm nhạc cũng như các môn nghệ thuật Dân tộc gắn liền với cuộc sống thầm kín của tôi, nên tôi ôm chầm lấy nó. Đối với việc cộng tác với trường không vì lương, bởi tôi có nguồn lợi tức riêng và lái xe hơi đến trường.

Năm 1960, với tư cách là Trưởng Ban giáo sư miền Nam, tôi lên Bộ Quốc Gia Giáo Dục và trực tiếp nói chuyện với ông Bộ Trưởng Trần hữu Thế.

Tôi nói: “Nội 5 chữ “Trường Quốc Gia Âm Nhạc” đã cho thấy việc giáo dục âm nhạc dân tộc là ưu tiên. Như thế thì tại sao Chánh phủ xem nó là con ghẻ con rơi, để có chủ trương phân biệt đối xử.”

Bộ Trưởng Trần hữu Thế biện minh: “Các giáo sư nhạc Tây phương có cấp bằng”.

Tôi nói: “chúng tôi gắn bó với nghệ thuật Dân tộc, điều này cho thấy chúng tôi là người Việt không vọng ngoại, không mất gốc. Chúng tôi tự hào mình là thầy của mình (bởi chúng tôi học đàn với thầy Việt), và là thầy của thiên hạ (khi ra nước ngoài, ai muốn học nhạc Việt nam là phải tìm đến chúng tôi). Còn nhạc Tây phương, người nước ngoài ít ai ứng học với thầy Việt. Chúng tôi vừa là kẻ cộng tác với người đương thời, vừa là nơi nương tựa của hậu thế. Chúng tôi là những thầy không cấp bằng, nhưng thực tế cho thấy chúng tôi đang đào tạo những người có bằng. Trong tương lai, những người này sẽ vào khế ước, lương cao hơn chúng tôi. Chúng tôi chỉ nói đến vấn đề sĩ diện, và xem việc làm này là nghịch lý.

Bộ Trưởng Trần Hữu Thế: “Tôi hoàn toàn đồng ý với giáo sư và hứa sẽ cứu xét lại vấn đề này.

Bà Hai Qua, phu nhân Ô. Chín Kỳ.

Kể về Ô. Chín Kỳ thiết nghĩ cũng nên nói sơ qua về Bà Hai Qua để các bạn nghe chơi cho vui, đồng thời giúp cho các bạn khi đàn, chẳng nên xem thường những thính giả lãng hay nặng tai..

Một sáng của năm 1938, ở Xóm gà tại nhà Ô. Hai Én (tư chức hãng Descours & Cabaud). Ô. Hai Én đàn Guitare, anh Ba Cân (làm việc Phòng Thông tin Pháp AFP) đàn Kim, và tôi đàn Gáo. Bà Hai Qua ca. Bà hỏi tôi đàn bản gì cho Bà ca.

Tôi nói là đàn Bản Phụng cầu hoàng.

Bà hỏi tới hỏi lui “bản gì, bản gì” mãi.

Tôi nói: Bà lãng tai quá mà ca cái nổi gì?

Bà phát tay, ra hiệu “đàn đi, tôi ca”.

Ba chúng tôi bèn vào đàn, Bà ca rất hay, đúng giọng, đúng hơi, đúng nhịp. Tôi hỏi Bà: Tại sao lúc tôi nói, tai Bà không nghe, mà khi đàn thì Bà lại ca được. Bà trả lời: “Tiếng người nói không nghe, nhưng tiếng đàn thì nghe rất rõ”.

Ông Nguyễn Văn Thịnh (Thầy Giáo Thịnh)

Ông Thịnh, sinh năm 1908 (Mậu Thân) tại Bình-hàng,

tổng Phong Nẫm, tỉnh Sađéc, tốt nghiệp Trường Sư phạm (École Normale) Sài Gòn, Giáo viên từ năm 1928 đến năm 1959, biệt phái về Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ năm 1960. giữ chức Giám học.

Ông sử dụng đàn Kim (Nguyệt), Tranh và Tỳ bà.

Ngoài đời, từ năm 1945, ông nằm trong nhóm Lão thành Nhạc Tài tử Nam bộ gồm có Quý Ông:

Cao hoài Sang.

Nguyễn văn Kỳ (Chín Kỳ),

Lê văn An,

Bác sĩ Nguyễn văn Bửu,

Bùi văn Hai (Tham tá) (Commis) Bộ Ngoại giao,

ca si Bà Hồ thị Bửu (Bà Mươi Ba, phu nhân Giáo sư Phạm văn Nghi)

và tôi là Nguyễn Vĩnh Bảo.

Ô. Nguyễn Văn Thịnh, năm 14 tuổi, học lớp nhứt trường Tiểu học Thủ Dầu Một. Thời điểm này học đàn với ông Mười (thầy đàn tên tuổi ở Thủ Dầu Một), sau đó với Cụ Tám Hạnh ở đường Faucault (Lý Trần Quán và nay là Thạch Thị Thanh) Tân Định, và Cụ Sáu Thới (thân phụ của nhạc sĩ Tư Bường).

Khoảng năm 1930, ông tham gia vào Ban Tài tử Cao Hoài Diêu, một trong những Ban nổi tiếng nhứt ở miền Đông.

Năm 1938, trình diễn tại Société Philharmonique (nay là Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ), số 112 đường Nguyễn Du, Quận 1.

Ban nhạc gồm có Quý Ông:

Nguyễn Văn Thịnh (đàn Kim)

Châu Văn Sáu (ông Ba Laitière) (đàn Tranh)

Tám Đuối (đàn Cò)

Ba Đồng (đàn Cò)

Cụ Sáu Thới (thỏ Tiêu)

Tư Bường (con Cụ Sáu Thới) (đàn Bầu)

Tư Kiên (đàn Tam)

Bác sĩ Châu (đàn Tỳ bà)

Bác sĩ Nguyễn Văn Nhã (Thân phụ Luật sư Nguyễn Phước Đại) (đàn Tranh)

CA: các Bà:

Tư Cần Đước,

Bà Hai Quạ (phu nhân nhạc sĩ Chín Kỳ)

Bà Ba Nhơn.

Ô. Nguyễn Văn Thịnh là nhà giáo xuất thân từ trường sư phạm (École normale) Sài Gòn. Ông sử dụng đàn Kim, Tranh và Tỳ bà. Bài bản nhiều và căn bản. Anh em của ông toàn là Tiến sĩ, Bác sĩ, Họa sĩ, phu nhân của ông là Nữ-hộ-sanh và là chủ nhà Bảo Sanh Ngọc Lành ở hẻm đường Audouit (Cao Thắng), còn nhà thi quay mặt ra đường Testard (nay là Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân).

Là nhà giáo, trước đây âm nhạc là thú vui môn giải trí của ông, và không dạy hay truyền bá lại cho cho ai.

Năm 1958, ông sắp về hưu, tôi đứng ra vận động cho ông được lưu dụng để Trường mời về đảm nhiệm chức Giám Học thay cho Giáo sư Nguyễn Hữu Ba. Ông Thịnh làm việc từ năm 1959, và nghỉ hưu năm 1964.

Sau 30-04-1975, mặc dù tuổi cao, ông cộng tác với Viện âm nhạc, số 2 đường Nguyễn Quý Khoách, Tân Định, qua đời vào tuổi 86 tại Sài Gòn, và an táng tại quê nhà SaDEC.

Sanh ngày 11-09-1901 tại làng Thái Bình, tỉnh Tây Ninh.

Thân phụ của Ông là CAO HOÀI AN, thân mẫu là HỒ THỊ LỰ.

Ông là Công chức cao cấp trào Pháp thuộc (Tham tá Sở Quan thuế - Commis des Doaunes & Régies –

Ông có 3 anh em:

- Ô. Cao đức Trọng (Thiên Phong TIẾP ĐẠO - Hiệp Thiên Đài),
- Cao thị Cường (Thiên Phong Nữ Giáo sư - Cửu Trùng Đài),
- Cao hoài Sang (Thiên Phong THƯỢNG SANH - Hiệp Thiên Đài).

Ông chơi đàn Tỳ Bà, thuộc nhiều bài bản, và soạn lời ca rất có giá trị cho Quyển dạy đàn Tranh do 3 ông: Nguyễn văn Kỳ (Chín Kỳ), Bác sĩ Nguyễn văn Bửu và Bùi văn Hai biên soạn và xuất bản.

Ngày 14-05-1957, Ông thay mặt Phạm Hộ Pháp (Phạm công Tắc) về Tòa Thánh Tây Ninh cầm giềng mối Đạo. Ông ngộ bệnh và qua đời ngày 21-04-1971 tại tư gia số 36/24 đường Cô Giang, hưởng thọ 71 tuổi.

Từ ngày 14-05-1957 về Tòa Thánh Tây Ninh đến ngày quy thiên, tính ra là 14 năm thiếu 20 ngày.

Ông Lê Văn An (Năm An)

Ông An tư chức cảng Nhà rồng (Messageries Maritimes) Khánh Hội, chuyên về đàn Tranh, bài bản nhiều, tương tự như ông Thịnh. Khoảng năm 1960 ông có dạy năm tháng tại trường Quốc Gia Âm nhạc Sài gòn.

Ông Phạm Văn Nghi (Tư Nghi)

Ông Nghi, thư ký Quận Gò Vấp. Phu nhân là danh ca Hồ Thị Bửu (tục danh Bà Mười Ba, chị Bà Mười bốn, phu nhân Ô. Nguyễn văn Lượng, chủ nhà thuốc Nhành Mai sản xuất cao đơn hườn tán, nổi danh nhất là thuốc dán con rắn và thuốc trị ghẻ ngứa)

Ông Nghi sử dụng nhiều loại nhạc khí như: Tranh, Kim, Cò, Gáo. Bài bản nhiều, và cơ bản.

Hai Ông Bà không con, nên ông bà nuôi lũ khỉ 7, 8 trẻ khoảng 9, 10 tuổi, dạy cho chúng đàn ca múa hát, trong đó có cô Ngọc Dung, trước đây nằm trong nhóm Hoa Sim (Phạm thúy-Hoan, Ngọc Dung, Phương-Oanh). Cô Ngọc-Dung từ lâu dạy đàn Tranh tại California, Hoa Kỳ.

Tại Trường nhạc, Ô. Tư Nghi dạy đàn Tranh và đàn Cò, còn Bà thì dạy ca.

Ông bà qua đời khoảng 15 năm tại Định Quán.

Cu Trần Văn Triều (Bảy Triều)

Sanh trưởng tại chợ giữa Mỹ Tho, Cụ là thân phụ của Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê và nghệ sĩ Trần Văn Trạch.

Chính Cụ đã sáng chế ra dây Tố-Lan cho đàn Kim (Nguyệt) - tương tự như dây Hồ nhì và Bắc Hồ nhì - để diễn tả bản Văn thiên Tường.

Cách lên dây Tố-Lan:

Dây trợn (open string): dây to (Tờn) (sol), dây nhỏ (công) (fa).

chủ âm: (fundamental note): dây nhỏ bấm phím 1, khảy chung với dây to trợn là đồng âm (unisson) (Hò-Liêu) (Sol-sol).

Dây Tố Lan cung bậc tương tự như dây Hò nhì, nhưng dây Hò nhì 2 dây to và nhỏ lên như sau:

Cách lên dây Hò nhì:

Dây trợn (open string): dây to (Xề) (Ré), dây nhỏ (công) (fa).

chủ âm: dây nhỏ bấm phím 1, khảy chung với dây to trợn là (xàng-liêu) (Do-sol).

Tại sao là tên Tố-Lan?

(nơi đây, xin bạn Trần Văn Khê cho tôi được tóm lược lời kể lại của Giáo sư Hồ Hữu Tường như sau):

Cụ Bảy Triều và cụ Nguyễn An Ninh học cùng lớp tại trường Bồn Quốc (Chasseloup Laubat) (nay là Lê Quý Đôn).

Ngày xưa tại Sài Gòn có nhiều trường như: Huỳnh Khương Ninh, Nguyễn Xích Hồng, Nguyễn Phan Long, Lê Bá Cang, Chấn Thanh, Nguyễn Văn Khuê, Général De Gaulle, Lanzarotte, Lycéum Paul Doumer. Nhưng chỉ có hai trường khó xin cho con cái vào học là Trường Bồn Quốc và Trường Taberd.

Trường Bồn Quốc thực chất là dành cho con Tây hay dân Tây học (chỉ có gia đình giàu, có vi cánh mới vận động cho con được vào). Học sinh Trường Bồn Quốc, ngày chủ nhật nghỉ, học sinh đi dạo ngoài đường phố, bị bắt buộc phải đội kết và mang phù hiệu, nhìn trông vừa đẹp vừa oai, còn học sinh Trường Taberd thì áo dài đen. Phần đông nữ sinh Trường Áo tím (École des Jeunes Filles) (nay là Trường Gia Long) ưa nhìn và làm quen với học sinh Trường Bồn Quốc (bởi nghĩ rằng mấy cậu ấm này là con nhà giàu, gia đình danh giá) hơn là học sinh Trường Taberd mà họ gọi là "con Quạ".

Hai Cụ Nguyễn An Ninh và Bà Triều ai cũng có một bạn gái. Cụ Nguyễn An Ninh là cô Chín Phòng, học sinh Trường Áo trắng (Saint Paul), Cụ Bảy Triều thì cô Tố Lan, học sinh Trường Áo tím.

Cô Tố-Lan biết đàn lãn ca, nên đối với cụ Bảy Triều, cô vừa là tri âm vừa là tri kỷ.

Học tới năm thứ 4, chuẩn bị thi bằng Thành Chung (Diplôme d'Études Primaires Supérieures Indochinoises) - viết tắt là DEPSI -, thì thành linh Cụ Bảy Triều hay tin người yêu qua đời. Phải chăng vì buồn mà xao lãng việc học, nên năm ấy cụ thị rớt.

Về nhà, ví mình như Bá Nha bị mất đi Tử Kỳ, nên Cụ lấy đàn Kim ra vừa đàn vừa đặt lời ca cho bài Tứ Đại Oán nói về người yêu. Bài ca đặt chưa xong thì vì có việc gấp phải đi, nên Cụ treo cây đàn trở lại trên vách. Vừa đi vừa sáng tác, nên khi về tới nhà, bởi sợ quên, nên cụ với lấy cây đàn Kim để viết tiếp lời ca. Nhưng không ngờ cây đàn bị tuột dây to (nốt Tờn), Cụ không buồn chỉnh lại, cứ để vậy mà đàn, nhưng không ngờ cái dây này nó tạo cho Cụ cái hào hứng lạ thường, nên Cụ giữ dây này luôn và đặt cho nó cái tên là Tố-Lan.

Ngón đàn Kim của cụ Bảy Triều tươi mát ngọt ngào mùi mẫn, làm xoáy tim người nghe, nên có tiếng đồn rằng "ai mà chưa được dịp nghe Cụ Bảy Triều đàn Kim trên dây Tố-Lan thì kể như người ấy còn thiếu trong việc nghe nhạc Việt nam".

Ông Hồng Tấn Phát (Hai Phát)

Người gốc Trà Vinh, nghiện á-phiện, điều luyện trên 3 nhạc khí như Đàn Tam, đàn Cò, và đàn Violon. Chẳng những giỏi bên tài tử Nam Bộ, ông còn giỏi về nhạc lễ, nhất là đường roi (đánh trống). Ngoài

tính cách giòn tan, lại còn thêm cao siêu về tiết tấu (rythme). Môn đệ của ông là hai danh cầm Hai Thơm (Violon) và Văn Vĩ (Guitare).

Đàn tam là loại đàn ba dây nylon. Thùng đàn hình chữ nhật dài 18 phân, ngang 14 phân, dày 10 phân. Một bên bịt bằng da trăn hay da con kỳ đà, một bên để trống, cần đàn dài nhưng lại không có phím.

Âm thanh của đàn Tam tương tự âm thanh đàn Banjo; nhưng khác hơn Banjo, âm thanh của đàn tam đã cứng ngắt, lại kém dư âm. Giá dùng nó để tả tiếng nấc của người Chinh Phu trong phòng the gối chiếu thì không gì đúng hơn.

Những ai từng nghe bản Lưu thủy trường - Hai Phát đàn Tam - Vĩnh Bảo đàn Tranh 21 dây trong băng Nam Bình hai (1) thì sẽ ngạc nhiên thấy dưới đầu 4 ngón tay thần diệu của ông, cung bậc trở thành phân minh chững chặc, âm vang tròn trịa phong phú như bất cứ loại đàn dây nào có phím. Đó là những đoạn chuyển biến khoan thai; nhưng khi chạy chữ nhanh (vélocité) thì âm thanh dồn dập như thác đổ, nhịp điệu gút mác, chừng tỏ một tài năng và sự điều luyện đã đến mức tột đỉnh. Nếu chạy chữ trên cây đàn Vĩ cầm (Violon) đòi hỏi phải có thính giác mẫn tiệp, ngón đàn chính xác thế nào, thì chạy chữ trên đàn Tam cũng như vậy, mà còn cao hơn thế nữa, vì Vĩ cầm với 4 dây âm hưởng hơn, âm thanh phát ra dễ hơn, nghe rõ hơn.

- (1) Băng Nam Bình 1 và 2 mang tên “Tiếng Đàn Tranh” do Nguyễn công Bình và Vĩnh Bảo thực hiện, phát hành vào năm 1969).

Đàn cò: Lối đàn của ông Hai Phát là kéo cung dài; đàn mực thước đạo mạo thật là sâu sắc theo thể hệ cổ.

Một buổi sáng vào hạ tuần tháng 11 năm 1972, từ Tòa Thánh Tây Ninh về, ông cùng nhạc sĩ Bảy Hàm đến thăm tôi (Vĩnh Bảo). Lần này gặp lại, tôi thấy ông yếu đi nhiều, hai chân sưng to lên, lở loét, bên ngoài băng vải.

Sau nửa giờ thăm hỏi, tôi mang đàn ra để cùng đàn và thâu thanh chơi. Ông đàn Cò, Bảy Hàm đàn Kim, tôi đàn Tranh, hòa tấu bản Tây Thi Ván.

Lúc này ông lên dây đàn không còn chính xác như xưa, khiến tôi phải điều chỉnh giúp ông. Hòa tấu tới câu 8 thì ông Hai Phát đàn lộn câu lẫn sai nhịp. Ông Bảy Hàm yêu cầu tôi xóa đi để đàn lại. Nhưng ông Hai Phát và tôi không đồng ý. Ông Hai Phát nói: “Mặc kệ, đàn trúng trật hay dở không là vấn đề. Lần này đến thăm Vĩnh Bảo để nói chuyện và hòa đàn chơi và xem như gặp nhau lần chót để rồi về Trà Vinh chết. Trước khi nhắm mắt, điều mà tôi mãn nguyện là được Vĩnh Bảo mời đàn cho 2 cuốn băng Nam Bình I và II, lưu lại cho hậu thế tiếng đàn của một nhạc sĩ nhiều truân chuyên và bất hạnh.

Đây là lời trở trăn, mười ngày sau đó, tôi được báo cho biết là Ông đã qua đời. Vì hay tin trễ, tôi không dự được đám tang Ông. Tuy nhiên nhóm Duy Lân cùng một số nhạc sĩ đã xuống Trà Vinh lo ma chay cho ông và tiễn ông đến phần mộ.

Ông Huỳnh Văn Sâm (Sáu Tửng)

Người gốc Gò Công, nghiện á-phiện, thân phụ của tay trống có hạng Huỳnh Anh và nữ ca sĩ Bạch Huệ.

Cái tên Huỳnh Văn Sâm, nhứt là cái tên Sáu Tửng, thì không xa lạ gì đối nhạc sư nhạc sĩ miền Nam lẫn Trung và Bắc, kể ca những người yêu nhạc. Nhiều nhạc sĩ đàn Kim ảnh hưởng đến lối đàn của ông và đàn giông giống ông.

Sở trường của ông là cây đàn Kim và Xén. Đàn Kim, đàn Xén, thay vì tay trái bấm dây đủ 4 ngón (trỏ, giữa, áp út và út) như vậy mới nhấn được chữ đàn có gân, chuyển chạy chữ mới nhanh. Đàn này ông chỉ sử dụng 2 ngón (trỏ và giữa), lướt một cách nhanh nhẹn, lưu loát trên phím đàn không thua gì người sử dụng 4 ngón.

Tôi quen ông vào năm 1930, lúc ấy ông đàn Kim chánh cho gánh Hồng Nhựt hát tại Cao Lãnh (quê của tôi) và tôi được dịp nghe ông đàn Kim trên dây Hồ Ba cho chị Hai Thân và chị Sáu Liền (danh ca Cao Lãnh) ca, và dây Bắc Oán cho Anh Bé ở Nha Môn (Cái Tàu Hạ - đồng hương với danh ca Tám Thưa -) ca Vọng cổ và Tây Thi hơi Quảng.

Thời điểm này tôi không thấy nhạc sĩ đàn Kim nào sử dụng hai loại dây Hồ Ba và Bắc Oán này, và riêng tôi, tôi cho rằng ông Sáu Tửng là người sáng chế.

Năm 1935, xuyên qua đĩa nhựa Béka, tôi có nghe ông độc tấu Tây Thi Hơi Quảng đàn Kim trên dây Bắc Oán.

Từ năm 1928, ông luôn luôn là tay đàn Kim chánh cho nhiều gánh hát Cải lương như:

Văn Hí Ban, Võ Hí Ban, Phước Cường, Trần Đất, Hồng Nhựt, Thanh Niên, Phụng Hảo, đàn thu rất nhiều đĩa nhựa như Béka, Pathé, Asia, Hoàn sơn, Hồng Hoa, Việt Hải, Tri âm, Kim Khánh....

Tuồng hát nào mà Cô Bảy Phùng Há có vai, thì đàn Kim nhứt định phải là Sáu Tửng, Cô mới chịu, y hệt như ca sĩ Thành Công, ca thì phải có Hai Long đệm đàn Guitare-mando.

Thập niên 1940, ông ra Bắc dạy đàn Kim.

Năm 1955, ông Ba Quan (Chủ tiệm hột xoàn Ba Quan Chợ cũ), mời ông, Duy Lân, Tám Thưa, Việt Hùng, Cô Tư Bé, và nhạc sĩ Nguyễn thế Huyện (Tư Huyện) (đàn Cò và Violon) sang Pháp làm đĩa nhựa mang nhãn hiệu Kim Khánh.

Năm 1960, tối ông đàn cho gánh hát, trưa quay về Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ để cùng hai nhạc sĩ Ba Dư (đàn Tranh), Chín Trích (đàn Cò) đệm cho học sinh lớp Sân Khấu ca diễn.

Lối đàn Kim và Xén của ông rất là độc đáo. Tiếng đàn phát ra nghe rất anh hùng và tự tin. Chữ đàn sắp xếp sắc sảo, câu cú tròn vành rõ nghĩa, hơi nào ra hơi nấy, tiết tấu mắc mỏ, mùi, dễ gọi cảm cho người cùng đàn. Trong hòa tấu, lối đàn rất là sôi động, ra vô, quãng bắt của ông rất là mạch lạc, tạo hào hứng cho người cùng đàn. Có những lúc đang đàn, ông đơn phương ngưng nghỉ, rồi một lát sau đó, bất thần nhào đại vô, làm cho người cùng đàn giật mình, có khi bị rơi đài. Mỗi lần có dịp hòa đàn với ông, tôi luôn bắt gặp nơi ông có một số câu đàn mới, lạ và hay. Có lần ông tâm sự với tôi: "Về đêm, sau văn hát, mọi người lo đi ngủ, còn tôi thì sau khi kéo vài điệu (ông nghiện á phiện) tôi ôm đàn Kim, chế ra những câu đàn mới". Cái sợ nhứt của tôi là đàn vào đêm thanh vắng, chữ đàn ma nhấn chưa chín, tai mình nghe rõ mồn một. Không như Vĩnh Bảo có cách ghi ra giấy, mỗi khi sáng tác ra câu nào thì tôi ôm đàn, đàn đi đàn lại cho thật thuộc câu nấy, nếu không thì ngày mai lai quên mất.

Băng Nam Bình I, qua những hòa tấu: Ngũ Đối Hạ, Lưu Thủy Trường, 6 câu Vọng cổ nhịp 32 (Sáu Tửng (Kim), Chín Trích (Cò), Vĩnh Bảo (Tranh), người nghe có thể nhận thấy lối đàn độc đáo của ông Sáu Tửng.

Năm 1938 tôi có dịp đàn 20 câu Vọng cổ nhịp 16 vô đĩa nhựa Béka (Năm Nghĩa (Trà Ôn) đàn Tranh, Ba Cân (Xóm Gà) đàn Kim, tôi đàn Gáo, Cô Ba Thiệt (chị ca sĩ Năm Cần thơ) ca).

Thường khi 20 câu Vọng cổ nhịp 16 gói gọn trong 2 đĩa. Mỗi mặt qui định là 3 phút (không dư một giây). Đĩa 1, mặt A: Rao, và câu 1, 2, 3 và 4, mặt B: câu 5, 6, 7, 8, 9, 10. Đĩa 2, mặt A: câu 11, 12, 13, 14, 15 câu, mặt B: 16, 17, 18, 19, 20.

Phần đông nhạc sĩ phải đàn đi đàn lại nhiều mới xong một mặt đĩa. Riêng ông Sáu Tưng, ông canh trường tống (tempo) rất chính xác. Chỉ một keo là ăn tiền.

Ông sống nghèo tại hẻm Taberd (Nguyễn Du). Có lần tôi đề nghị ông để tôi nhờ Bác sĩ quen thân (Bác sĩ Phạm kim Tương) giúp ông cai á phiện. Ông đáp lại tôi bằng một câu xanh rờn: “Vĩnh Bảo phải biết, Sáu Tưng sống là để hút và đàn”.

Không bao giờ tôi quên được lần cuối cùng gặp ông tại nhà may Nguyễn văn Phú ở đường d’Ormay Sài Gòn vào năm 1980. Đêm ấy có tổ chức đàn ca tận trên lầu bốn. Thính giả phần đông là cao tuổi và tri âm. Tay đàn thì có nhạc sĩ Thanh Tuyền đàn Kim, Tư Huyện đàn Cò và violon, tôi đàn Tranh, 2 Cô Thanh Trang và Thanh Hoa ca. Sở dĩ không mời ông Sáu Tưng vì anh em ngại cho sức khỏe của ông.

Nhưng bất ngờ ông tự động đến, vạnh bên là cô ca sĩ Huệ Nhi dìu ông lên lầu. Gặp ông tôi rất mừng bởi có tay đàn ưng ý. Nhưng vì thương và lo cho sức khỏe của ông, tôi trách ông đến làm chi. Trước mặt mọi người ông nói: Dù không được mời, nhưng tối cố gắng đến cốt là để nghe Vĩnh Bảo đàn. Tôi đỡ lời: anh Sáu, anh có lạ gì với tiếng đàn của tôi?. Bắt đầu đàn, ông ôm đàn Kim rao trước, Tranh, violon cùng rao theo, cô Thanh Trang nói lồi. Khi vào Vọng cổ, Ông ngưng đàn, nghèo đầu tựa vào vành đàn, nhắm mắt nghe. Tôi thầm nghĩ rằng từ đây sẽ không còn dịp nghe tiếng đàn Sáu Tưng hay cùng hòa đàn với ông nữa. Đúng vậy, một tuần sau nghe tin ông qua đời

Tôi quen với ông từ năm 1930 tại Cao lãnh. Những dịp theo gánh lên hát ở Nam vang vào năm 1935, 1936, ông đến nhà tôi gần như hằng đêm sau khi vãn hát. Giữa ông và tôi có nhiều kỷ niệm khó quên.

Ông Võ Văn Tiếng (Mười Tiếng)

Người sanh trưởng ở Gò Công. Nghề tay mặt của ông là làm kế toán cho nhà thuốc tây. Ông chuyên về đàn Kim, nhưng đàn Tranh và Cò, ông đàn cũng hay.

Ngày nay nhạc sĩ đàn Kim phần đông là bỏ bớt nhấn thay vào đó lồi đàn chuyên nhiều chữ, đánh mất đi cái điềm đậm của cây đàn lãnh đạo này.

Ai đã từng nghe ông Mười Tiếng song tấu Kim với Tranh Vĩnh Bảo trong băng Nam Bình I trên những bản Nam Xuân, Nam Ai, Văn Thiên Tường, Tứ Đại Oán thì thấy rõ ngón đàn Kim của ông rất là gân guốc, sâu sắc, đở hột, tiếng đàn tròn trịa óng ả, nhấn chín chữ, thiết nghĩ ai ai cũng đồng ý dành cho ông một ngai riêng biệt.

Hai ông Năm Vĩnh và Hai Thơm

Ông Năm Vĩnh chuyên về đàn Kim, và chơi Hạ Uy Cầm (Guitare Hawaïenne). Ông đàn tay trái. Đàn Kim ông nổi tiếng trên dây Hồ năm. Trong băng Nam Bình II, trong bản Đảo Ngũ Cung, (Hai Thơm Violon, Vĩnh Bảo Tranh), tiếng đàn Kim của ông lúc thì lững thững, khi thì chạy chữ dồn dập.

Song tấu 6 câu Vọng cổ (Năm Vĩnh Kim, Hai Thơm Violon), phong cách đàn Kim trên dây Hồ Năm của ông rất là tuyệt diệu, tiên phong đạo cốt, ần ần hiện hiện, y như hạt sương mờ, làm say mê khách mộ điệu.

Violon của ông Hai Thơm cũng đở hột (détaché), cũng quuyến luyến (lié), cũng vút lên (envolée) không thua gì những danh Vĩ Cầm quốc tế. Ngón chạy chữ (vélocité), tuy không máy móc như đàn Vĩ Cầm quốc tế, nhưng đạt được như vậy cũng phải vài chục năm khổ công tập luyện, ấy là chưa kể đến cung vị ngọt ngào trong cung bậc mà chỉ có những nhạc sĩ chính cống mới có, còn những thợ đàn thì ngàn đời vẫn thiếu.

Song tấu Vọng cổ Kim - violon, làm cho người nghe cảm thấy cái buồn man mác với những nốt đàn lơ lửng, lạ tai của dây Hồ năm đàn Kim.

Trong khi đàn, cả hai nhạc sĩ, ai cũng tung ra những độc chiêu rất là kỳ bí. Khi thì riu rít như tiếng chim hót buổi sáng của Violon, lúc buông rơi từng chữ của đàn Kim, làm cho người nghe cảm thấy hai bên đang chực hờ quật ngã nhau, lời cuốn khách mộ điệu chuộng cái lối đàn gay cấn mắc mớ phập phồng hồi hộp, chẳng biết ai sẽ quật ngã ai. Quả là kỳ phùng địch thủ.

Ông Mười Cò (Cần Đước)

Vào những năm 1934-1935 tại Sài Gòn có ông Jean Tịnh, nghiện á-phiện, người cao lớn chuyên đàn Violon bản tây, ông làm việc cho đài Radio Sài Gòn số 3 đường Richaud (nay là Nguyễn Đình Chiểu). Tuy chơi nhạc Tây, nhưng ông cũng mê cổ nhạc nên chép 6 câu Vọng cổ nhịp 8 từ đàn Cò, để rồi sử dụng với đàn Violon. Quan niệm của người chơi nhạc tây phương là cứ nhìn bản là đàn đờc, nhưng họ quên rằng nhạc Việt nam có những trang trí như: rung, mổ, nhấn, luyến láy nốt đàn, tương tự như tiếng Việt, có 6 dấu: không dấu, dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng. Những trang trí ấy rất là quan trọng, bởi chúng nói lên cái Điệu thức (Mode) và Hơi, Giọng (Air) của bản. Do vậy, ông Jean Tịnh, khi đàn violon Vọng cổ cho cô Hai Đá ca “Gió bắc lạnh lùng, trên con đường ba sinh thấy hoa

rụng rơi trên mặt đất”, nốt nào ông cũng rung, tương tự như người Pháp nói tiếng Việt, nghe dễ tức cười. Tuy nhiên, cũng nên ghi công của ông là người gợi ý cho một số nhạc sĩ đàn Cò dùng đàn violon để đàn bản Việt, và người đi tiên phong là nhạc sĩ đàn Cò Mười Cò (Cần đước), rồi sau đó đến lượt những nhạc sĩ đàn Cò khác như Nguyễn thế Huyện (Tư Huyện), Hai Thơm, Văn Thế, Tư Cò, ...Đàn Violon không có gì lạ đối với nhạc sĩ đàn Cò. Họ xem nó như là sự phối hợp của âm thanh đàn Cò và đàn Gáo. Khởi phải mất thì giờ để học, chỉ cần áp dụng kỹ thuật của đàn Cò và đàn Gáo là được.

Năm 1938, tôi đã có dịp nghe ông Mười Cò violon Vọng Cổ nhịp 16. Ngón đàn của ông rất tươi mướt, lối đàn khuôn thước mẫu mực chín chắn nghe rất là hay.

Nguyễn Thế Huyện (Tư Huyện) Cần Đước:

Nghiện á-phiện, thuộc gia đình nhạc lễ, là em Hai Phát, anh Sáu Quý đàn Tranh.

Ông sử dụng đàn Kim, Tranh, Xén, Cò, Violon và thổi ống tiêu. Lối đàn Cò của ông là kéo cung dài tạo ra những âm thanh réo rất là lướt làm cho người nghe cảm thấy thấm thía. Mỗi nốt đàn của ông đều mang một đặc tính kín đáo rung động tâm linh.

Về ống Tiêu, ông luyến láy những ngón tay tạo ra âm thanh ồm ọ y hệt như tiếng nhấn vuốt của đàn Tranh, Kim. Chẳng riêng về nhạc Tài tử Nam bộ, ông lại còn rất rành về bộ gõ của Nhạc lễ. Ông nghiện á-phiện.

Nguyễn thế Quý (Sáu Quý)

Nghiện á-phiện, em nhạc sĩ Hai Phát và Nguyễn thế Huyện (Tư Huyện), sử dụng đàn Tranh và đàn Kim. Thập niên 1935-1942, nhiều nhạc sư nhạc sĩ đàn Tranh rất giỏi và hay như: Thầy Mười Tân, Sáu Hóa, Sáu Tý, Năm Tồn, Bảy Phải (Cần thơ), Năm Nghĩa (Trà ôn), Sáu Nguơn, Bảy Yên (Sadéc), Ba Hạt (Caolanh), Mười Lãng (Cần đước) nhưng sáng giá nhất là đàn Tranh của Sáu Quý về Vọng cổ nhịp 16. Tiếng đàn ẻo lả, kêu gọi, mùi mẫn của anh, khiến cho nhiều nam nữ ca sĩ thích ca có anh đàn Tranh.

Sau đây là số Vọng cổ trong ấy anh độc tấu đàn Tranh hoặc song tấu với nhạc sĩ khác:

Sáu Hường (Caolãnh) ca

Sáu Quí (Tranh)

Mười Còn (violon)

Xanh Xía ca

Sáu Quí (độc tấu Tranh)

Cô Bích Liên ca

Sáu Quí (Tranh)

Mười Còn (violon)

Ba Khuê ca

Sáu Quí (Tranh)

Năm Thọ (đàn Cò)

Cô Thế Hà ca

Sáu Quí (Tranh)

Mười Còn (violon)

Cô Ba Được ca

Sáu Quí (Tranh)

Năm Thọ (đàn Cò)

Ba Tuất ca

Sáu Quí (độc tấu Tranh)

Cô Ba Bến tre ca

Sáu Quí (độc tấu Tranh)

Anh qua đời khoảng tuổi ngoài bốn mươi.

Hà Văn Tân(Chín Trích)

Thân phụ của nghệ sĩ Tú Trinh.

Cái tên Chín Trích thì giới mộ điệu biết nhiều hơn cái tên Hà Văn Tân. Tại sao là Chín Trích?

Ông học đàn Cò với ông thầy Quốc. Đi đàn đâu thì ông cũng xách đàn tò tò đi theo, nên người ta gán cho ông cái tên là Trích. Thành tên Quốc, trò tên Trích, (Quốc và Trích là hai con chim ở ruộng ăn lúa).

Đàn Cò ông kéo cung ngắn. Lối đàn mẫu mực mùi mẫn, thình thoảng buông cung sàu thế hệ làm cho người nghe cảm thấy buồn đến rơi lệ. Ông chuyên đàn cho gánh hát cải lương, Đài Phát Thanh và vô đĩa nhựa.

Dương Văn Cơ (Năm Cơ)

Sanh năm 1919 tại làng Ngũ Lạc (Trà vinh), nghiện á-phiện, sử dụng đàn Kim, Xến, Guitare lõm phím

Khoảng những năm 1948-1950 ông cùng thầy là Sáu Lắc đầu quân cho nhà thuốc Cao Đơn Hoàn Tán Đại Từ Bi ở đường Phan Đình Phùng (Nguyễn Đình Chiểu). Nhiệm vụ của hai ông là đàn để quảng cáo bán thuốc. Lối đàn của ông xôm và rộn rã. Năm Cơ và Văn Vĩ, cả hai nghiện á-phiện, là cặp bài trùng, hòa đàn rất ăn ý với nhau, nơi nào có Cơ là có Vĩ. “Cơ” tiếng Pháp là “queue” nghĩa là cái đuôi; còn “Vĩ”, chữ Hán dịch ra tiếng Việt cũng là “đuôi”. Duyên tiền định, hai cái “đuôi” gặp nhau trong lĩnh vực âm nhạc.

Xuyên qua Đài Phát Thanh trong đĩa nhựa, khi nghe hai người này cùng hòa đàn với nhau thì người nghe cảm thấy rất khoái trá và hồi hộp, lo sợ không biết tay nào sẽ quật ngã tay nào, vì cả hai đều chủ trương đàn mắc mỗ. Vọng Cổ “Thư Về Quê Mẹ”, Thành Được ca, “Lan và Điệp” nữ ca sĩ Út Bạch Lan ca (Băng Nam Bình II), có thể ví như tấm thảm xanh đủ màu đủ vẻ với tiếng đàn Xén sáng giá của Năm Cơ, tiếng đàn Tranh bay bướm óng chuốt của Bảy Bá (nghiện á-phiện và tự cai lấy), tiếng đàn Guitare sâu sắc chín chữ và ngọt ngào của Văn Vĩ, đưa cho người nghe thấy rằng bạn vàng gặp bạn vàng.

Cộng tác với nhiều Đoàn Hát như Hoa Sen, Kim Chung,

Bầu Thắng (Hát Bội), Ban Cổ Nhạc Đồng Nai (Đài Phát Thanh Sài Gòn), Ban Hoa tình thương -Thành Công - (Đài tiếng nói Quân đội), đàn thu đĩa Hồng Hoa, Việt Hải,

Ông phục vụ nghệ thuật cho đến hơi thở cuối cùng. Ngày hôm trước đàn cho Đài Phát Thanh, sau đó hẹn 9 giờ sáng ngày hôm sau quay trở lại đàn tiếp, nhưng ngày hôm sau, anh em trên đài đợi mãi không thấy ông đến, bèn cho người đến gặp ông thì mới hay là ông đã tắt thở trước 9 giờ sáng!.

Văn Vĩ

Tên thật là Đinh Văn Dậm, sanh năm 1928 tại làng Bình Đăng, Quận Cần đước. Cha là Linh Tây, thổi Kèn Tây nên người ta gọi là Cai Kèn. Văn Vĩ chơi đàn Cò khi lên 7 tuổi. Khiếm thị khi lên 3 uổi sau cơn bệnh ban trắng. Năm 11 tuổi học đàn với thầy bảy Thừa ở Thủ Thiêm. Sở trường đàn Guitare lõm phím. Sử dụng Kim, Xén, Tam, Tranh, violon, ống Tiêu. Năm 1953 cộng tác với Ban Cửu Long Đài Phát Thanh Sài Gòn, Ban “Hoa Tình Thương” Đài Tiếng Nói Quân Đội, đàn gánh Hát Bội Bầu Thắng, Tấn thành Ban, Kim Chung A, các Hãng đĩa nhựa Hồng Hoa, Việt Hải,

Tiếp xúc với một số nhạc sĩ khiếm thị, chẳng hạn như: Sáu Khỏe, Duy Trì, Văn Vĩ, tôi nhận thấy ông nào cũng có lỗi đàn mắc mỗ rất tài tình, gây khó khăn cho người khác.

Năm 1965, tôi nhờ Bác sĩ Phạm kim Tương cai giùm cho ông. Từ già nằng Tiên nâu, Văn Vĩ quay sang nhậu, và qua đời ở tuổi chưa tới 70.

Năm 1970, theo lời mời của Trung Tâm Văn Hóa Đức (Centre Culturel Allemand), 120 đường Nguyễn đình Chiểu Sài Gòn, tôi tổ chức buổi nói chuyện về nhạc Tài tử Nam bộ bằng tiếng Pháp. Giàn nhạc, tôi huy động 12 nhạc sĩ, toàn là dân gạo cội. Vì muốn chứng minh cho thấy 2 nhạc khí Guitare và violon có thể dùng đàn bản Việt, nên tôi xếp cho nhạc sĩ Hai Thơm đàn violon, Văn Vĩ Guitare song tấu 6 câu Vọng cổ. Bởi Văn Vĩ ca rất mùi nên tôi yêu cầu Văn Vĩ vừa đàn vừa ca “Đời tôi không ánh sáng” lời ca do soạn giả Viễn Châu soạn.

Khi mãn cuộc, Văn Vĩ nói có người bảo với anh ta rằng trong khi anh ca, có một số thính giả Việt nam lấy khăn lau nước mắt. Tôi nói cho Văn Vĩ biết là trước khi anh ca, tôi đã có giải thích cho thính giả biết qua lời ca là nói lên tâm sự của một nhạc sĩ trước đây có yêu một người, hai bên giao hẹn sẽ cùng sống bên nhau, Nhưng chẳng may sau một cơn bệnh trái trắng, người nhạc sĩ bị mất đi ánh sáng, thế là người yêu ngoảnh mặt, ôm cầm sang thuyền khác. Buồn tình, nhạc sĩ ôm đàn đi đàn dạo. Hôm ấy nhà họ đang tổ chức lễ cưới cho con gái, cho người ra mời Văn Vĩ vào đàn giúp vui. Vào nhà, Văn Vĩ đánh hơi biết đây lễ cưới của người yêu trước đây của mình, nên chọn lời ca Đời tôi không ánh sáng. Rất có thể một số thính giả nghĩ rằng Văn Vĩ là người trong cuộc.

BĂNG NAM BÌNH I và II.

Năm 1969, Nguyễn công Bình và Nguyễn Vĩnh Bảo phát hành băng NAM BINH I và II “Tiếng đàn Tranh” với sự cộng tác của 12 nhạc sĩ và 2 ca sĩ:

1. Huỳnh Văn Sâm (Sáu Tưng)
2. Hà Văn Tân (Chín Trích),
3. Võ Văn Tiềm (Mười Tiếng)
4. Năm Vĩnh,
5. Hai Thơm,
6. Hồng Tấn Phát (Hai Phát,
7. Dương Văn Cơ (Năm Cơ)
8. Trương Văn Bảy (Bảy Bá),
9. Đinh Văn Dậm (Văn Vĩ),
10. Ngô Nhật Thanh,
11. Nguyễn Đình Nghĩa,
12. Nguyễn Vĩnh Bảo
13. Cô Út Bạch Lan,
14. Thành Được.

Trong 2 cuộn Băng nói trên, 9 nhạc sĩ đã qui thiên, còn lại Cô Út Bạch Lan, Thành Được, nhạc sĩ Năm Vĩnh, Bảy Bá và Vĩnh Bảo.

“Người nghệ sĩ có sứ mạng thiêng liêng làm ấm lại những tâm hồn giá lạnh, và đôi lúc cũng khóc thầm trong khi mọi người xung quanh cười”.

Nay xin thấp nén hương gọi là tấc lòng tưởng nhớ đến những nghệ nhân một thời vang bóng, đã từ lâu trở về với cát bụi, yên giấc nghìn thu trong quên lãng của người đời...”

Sài Gòn, 24-04-2008 - VĨNH BẢO